

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ 3 CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 – 8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 – 25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm ngày	Miễn nhiệm ngày
Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch HĐQT	Ngày 17 tháng 01 năm 2023	
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập)	Ngày 25 tháng 03 năm 2021	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	Ngày 17 tháng 01 năm 2023	Ngày 15 tháng 08 năm 2025
Ông Lưu Chiến Thắng	Thành viên HĐQT	Ngày 19 tháng 04 năm 2023	Ngày 15 tháng 08 năm 2025
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên HĐQT	Ngày 22 tháng 05 năm 2020	Ngày 15 tháng 08 năm 2025
Ông Phạm Văn Luận	Thành viên HĐQT	Ngày 15 tháng 08 năm 2025	
Ông Hồ Công Danh	Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập)	Ngày 15 tháng 08 năm 2025	
Ông Kunwar Pramod Singh	Thành viên HĐQT	Ngày 15 tháng 08 năm 2025	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Dương Quân Anh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đặng Quốc Hưng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Bùi Phương Anh	Thành viên Ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm ngày	Miễn nhiệm ngày
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Tổng Giám đốc	Ngày 22 tháng 05 năm 2020	Ngày 12 tháng 08 năm 2025
Ông Phạm Văn Luận	Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 08 năm 2025	
Bà Trần Ngọc Lan	Kế toán trưởng	Ngày 08 tháng 05 năm 2023	Ngày 12 tháng 08 năm 2025
Ông Phan Giang Châu	Kế toán trưởng	Ngày 12 tháng 08 năm 2025	

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Luận - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 9 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 9 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Văn Luận

Tổng Giám đốc

Tp. Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		174,546,108,420	131,923,767,999
I. Tiền	110	5.1	3,606,314,685	78,826,607,700
1. Tiền	111		3,606,314,685	29,326,607,700
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	49,500,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		55,860,926,748	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2.1	56,133,241,173	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(272,314,425)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		115,042,973,418	52,882,565,246
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2,992,866,568	233,907,300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30,000,000	48,600,000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	26,000,000,000	52,210,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	86,020,106,850	390,057,946
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		35,893,569	214,595,053
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	29,109,998	22,768,452
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,783,571	191,826,601
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		267,008,498,707	270,936,114,963
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		59,000,000,000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	59,000,000,000	-
II. Tài sản cố định	220		-	8,374,288,770
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	-	8,374,288,770
- Nguyên giá	222		-	15,904,107,117
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(7,529,818,347)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		208,000,000,000	260,203,345,385
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2.2	208,000,000,000	261,000,000,000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(796,654,615)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		8,498,707	2,358,480,808
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	8,498,707	2,358,480,808
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		441,554,607,127	402,859,882,962

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		17,605,345,240	9,152,880,708
I. Nợ ngắn hạn	310		17,605,345,240	9,152,880,708
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	5,179,900,197	98,472,763
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	3,479,325,185	160,025,437
3. Phải trả người lao động	314		51,737,350	-
4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8,894,382,508	8,894,382,508
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		423,949,261,887	393,707,002,254
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.10	423,949,261,887	393,707,002,254
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		385,673,630,000	385,673,630,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		385,673,630,000	385,673,630,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4,447,191,254	4,447,191,254
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33,828,440,633	3,586,181,000
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		3,271,713,787	1,060,426,442
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30,556,726,846	2,525,754,558
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		441,554,607,127	402,859,882,962


Phan Giang Châu
Người lập biểu

Phan Giang Châu
Kế toán trưởngPhạm Văn Luận
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	10,068,905,600	212,643,000	38,376,026,400	19,314,578,681
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		10,068,905,600	212,643,000	38,376,026,400	19,314,578,681
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	10,075,258,321	180,000,840	38,277,537,563	18,770,359,476
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(6,352,721)	32,642,160	98,488,837	544,219,205
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	32,864,272,033	532,609,421	34,665,019,045	1,350,742,871
7. Chi phí tài chính	22	6.4	(8,643,310,425)	-	(473,295,329)	56,405,506
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	-	40,248,000	-	152,315,620
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	655,720,646	501,141,548	1,880,591,093	1,365,228,385
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40,845,509,091	23,862,033	33,356,212,118	321,012,565
{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}						
11. Thu nhập khác	31		2,079,590,598	-	2,079,590,598	-
12. Chi phí khác	32	6.7	2,306,029,115	10,946,017	2,313,304,788	19,901,205
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(226,438,517)	(10,946,017)	(233,714,190)	(19,901,205)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		40,619,070,574	12,916,016	33,122,497,928	301,111,360
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	2,565,771,082	8,127,202	2,565,771,082	121,439,491
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		38,053,299,492	4,788,814	30,556,726,846	179,671,869

Phan Giang Châu
Người lập biểu

Phan Giang Châu
Kế toán trưởng



Phạm Văn Luận
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

0512
ÔNG
PH
PH
JC PH
NG
PH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33,122,497,928	301,111,360
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	678,629,368	846,699,083
- Các khoản dự phòng	03	(524,340,190)	56,405,506
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(34,673,523,765)	(1,350,742,871)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(408,000,000)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1,396,736,659)	(554,526,922)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(116,849,316,238)	48,931,819,050
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5,732,001,674	(16,960,256,798)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2,343,640,555	112,294,424
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(56,133,241,173)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(159,775,437)	(245,637,200)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(166,463,427,278)	31,283,692,554
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	9,775,000,000	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26,000,000,000)	(179,340,000,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	52,210,000,000	68,990,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	53,000,000,000	35,105,000,000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,258,134,263	8,399,827,803
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	91,243,134,263	(66,845,172,197)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

Mẫu 03 - DNHN

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20 + 30 + 40$)	50	(75,220,293,015)	(35,561,479,643)
Tiền đầu năm	60	78,826,607,700	39,539,803,875
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền cuối kỳ ($70 = 50 + 60 + 61$)	70	3,606,314,685	3,978,324,232

Phan Giang Châu
Người lập biểuPhan Giang Châu
Kế toán trưởngPhạm Văn Luận
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

492.
C
Y
T
P
H
A
H
A

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu 09 - DNHN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Đầu tư phát triển thực phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty") thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500512492 ngày 06 tháng 01 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp bổ sung 19 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 08 năm 2025.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 19: 385.673.630.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2025 là: 385.673.630.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại nông sản chủ yếu là sản lát và ngô sấy hạt

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống

Chi tiết: Loại trừ bán buôn các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Trong kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30/09/2025, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

1.5 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

1.7 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Hình thức hạch toán
Địa điểm kinh doanh tỉnh Hậu Giang - Công ty cổ phần đầu tư phát triển thực phẩm Hồng Hà	Hậu Giang	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	Phụ thuộc
Chi nhánh nhà máy sản xuất Công ty cổ phần đầu tư phát triển thực phẩm Hồng Hà	Sơn La	Sản xuất, thương mại các sản phẩm liên quan nông nghiệp	Độc lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu 09 - DNHN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có các Công ty con và danh sách các công ty con được tổng hợp như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD
Công ty CP Cường Sinh Yên Châu	Sơn La	Sản xuất thương mại các sản phẩm liên quan tới nông nghiệp	98,14%	98,14%
Công ty TNHH Nông Sản Ngọc Lặc Xanh	Thanh Hóa	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu	100%	100,00%
Công ty CP Nông lâm nghiệp Hồng Hà	Hà Nội	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	98%	98,00%

Công ty con sở hữu gián tiếp	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD
Công ty CP Đầu tư kinh doanh và Thương mại Châu Á	Hậu Giang	Sản xuất điện	96,04%	96,04%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

Công ty thực hiện tổng hợp Báo cáo tài chính theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư chứng khoán mà Ban giám đốc công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh bao gồm Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán và các loại chứng khoán, công cụ tài chính khác. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có). Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển

hóa thành tài sản cố định hữu hình. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao của quyền sử dụng đất có thời hạn được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê đất.

Khấu hao các tài sản khác được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 12

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, đại tu đầu máy, giá trị công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác.

Công cụ, dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Các quỹ được trích lập trong năm căn cứ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sử dụng theo điều lệ Công ty

4.10 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp*Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.12 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1,493,369,841	20,738,303
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,112,944,844	29,305,869,397
Các khoản tương đương tiền	-	49,500,000,000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 th	-	49,500,000,000
Cộng	3,606,314,685	78,826,607,700

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu 09 - DNHN

5.2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/09/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu						
CTCP Tập đoàn TNT	21,584,328,000	-	19,440,000,000			
CTCP Phân bón Quốc tế Âu Việt	12,421,183,870	-	12,172,160,000			
Công ty CP Miza	11,554,614,933	(157,725,055)	21,857,220,000	-	-	-
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM	5,858,775,000	-	6,400,000,000	-	-	-
Công ty cổ phần Vietourist Holdings	4,097,076,410	(113,726,410)	3,186,680,000	-	-	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	617,262,960	(862,960)	584,200,000	-	-	-
Cộng	56,133,241,173	(272,314,425)	63,640,260,000	-	-	-

5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con						
Công ty CP Cường Sinh Yên Châu	-	-		53,000,000,000	-	(*)
Công ty TNHH Nông sản Ngọc	110,000,000,000	-	(*)	110,000,000,000	(355,182,862)	(*)
Công ty CP NLN Hồng Hà	98,000,000,000	-	(*)	98,000,000,000	(441,471,753)	(*)
Cộng	208,000,000,000	-		261,000,000,000	(796,654,615)	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu 09 - DNHN

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Elmaco	2,992,866,568	-
Công Ty Cổ Phần Cường Sinh Yên Châu	-	233,907,300
Cộng	2,992,866,568	233,907,300

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	-	19,750,000,000
Ông Trịnh Quang Huy (2)	-	4,800,000,000
Ông Trịnh Đình Nhân (3)	-	11,000,000,000
Ông Nguyễn Tuấn Tú (4)	-	3,950,000,000
Phải thu các bên liên quan	26,000,000,000	32,460,000,000
Công ty CP Nông lâm nghiệp Hồng Hà (1)	26,000,000,000	32,460,000,000
Cộng	26,000,000,000	52,210,000,000

(1) Là khoản cho vay Công ty cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay tiền số 062025/HSL-HH ngày 25/06/2025. Số tiền cho vay 26.000.000.000 VND, thời hạn vay 03 tháng từ ngày 26/06/2025 đến ngày 26/09/2025, lãi suất 3,2%/năm tính từ ngày 26/06/2025.

(2) Là khoản cho ông Trịnh Quang Huy vay theo hợp đồng cho vay tiền số 2910/2024/HĐCVCN ngày 29/10/2024 và phụ lục ngày 02 tháng 01 năm 2025. Số tiền cho vay 4.800.000.000 VND, thời hạn cho vay đến hết ngày 31/10/2025, lãi suất cho vay từ 01/01/2025 đến 31/10/2025 là 9,0%/năm. Tài sản đảm bảo là căn hộ số 1402, tầng 14, Nhà 25T2-Lô đất N05, KĐT Đông Nam, đường Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội cấp ngày 21/04/2014.

(3) Là khoản cho ông Trịnh Đình Nhân vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 0411/2024/HĐCVCN ngày 04/11/2024 và phụ lục ngày 02 tháng 01 năm 2025. Số tiền cho vay 11.000.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay đến hết ngày 31/10/2025, lãi suất cho vay từ 01/01/2025 đến 31/10/2025 là 9,0%/năm. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất số nhà 45, đường Đông Các (Khu lao động Thịnh Hào cũ), Ô Chợ Dừa, Đống Đa, thành phố Hà Nội cấp ngày 17/02/2000 và số nhà 43, đường Đông Các (Khu lao động Thịnh Hào cũ), Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội cấp ngày 17/02/2000.

(4) Là khoản cho ông Nguyễn Tuấn Tú vay theo hợp đồng cho vay tiền số 1811/2024/HĐCVCN ngày 18/11/2024 và phụ lục ngày 02 tháng 01 năm 2025. Số tiền cho vay 3.950.000.000 VND, thời hạn cho vay đến hết ngày 31/10/2025, lãi suất cho vay từ 01/01/2025 đến 31/10/2025 là 9,0%/năm. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất thửa số 29(1pn), tờ bản đồ số 16-C-I-d, địa chỉ : Tổ 4, cụm 5, phường Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội cấp ngày 09/06/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu 09 - DNHN

5.5 Phải thu khác

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
a1) Phải thu ngắn hạn các tổ chức và các cá nhân khác		
Tạm ứng	57,974,000,000	-
Ký quỹ, ký cược	-	30,000,000
Khác	25,175,000,000	-
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	192,439,317
a2) Phải thu ngắn hạn các bên liên quan		
Công ty CP Nông lâm nghiệp Hồng Hà (lãi dự thu)	221,106,850	167,618,629
Cộng	83,370,106,850	390,057,946

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 16/06/2025 giữa Công ty cổ phần đầu tư phát triển thực phẩm Hồng Hà và Công ty cổ phần Minh Ngọc về việc góp vốn thực hiện dự án "Khu nhà ở Minh Ngọc". Theo đó Công ty cổ phần đầu tư phát triển thực phẩm Hồng Hà đầu tư 59.000.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi chín tỷ đồng chẵn) vào dự án.

Phân chia lợi nhuận dự án:

Lợi nhuận từ việc khai thác, mở bán, giao dịch các sản phẩm bất động sản theo phụ lục hợp đồng bao gồm (59 thửa đất tổng diện tích 4.039,7m²) sẽ được hai bên thống nhất phân chia theo tỷ lệ mỗi bên 50%, lợi nhuận được tính sau khi đã trừ các chi phí hợp lý có liên quan.

Tiền vốn đầu tư sẽ được Công ty cổ phần Minh Ngọc hoàn trả cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển thực phẩm Hồng Hà căn cứ theo số diện tích đất của Dự án đã bán ra trong kỳ quyết toán. Tiền vốn đầu tư được hoàn trả cùng lúc với phần lợi nhuận được chia.

1248
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN
THỰC PHẨM
HỒNG HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu 09 - DNHN

5.6 Chi phí trả trước

	30/09/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	29,109,998	22,768,452
Chi phí bảo hiểm	-	18,068,452
Các khoản khác	29,109,998	4,700,000
b) Dài hạn	8,498,707	2,358,480,808
CP đào đắp san lấp mặt bằng (*)	-	2,349,333,865
Công cụ dụng cụ	-	5,240,195
Chi phí khác	8,498,707	3,906,748
Cộng	37,608,705	2,381,249,260

(*) Khoản chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động san lấp, đào, phá đất đá tạo mặt bằng khu vực nhà xưởng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và thời gian phân bổ là 20 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu 09 - DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	9,994,000,480	1,093,600,000	4,781,779,364	34,727,273		15,904,107,117
- Thanh lý, nhượng bán	(9,994,000,480)	(1,093,600,000)	(4,781,779,364)	(34,727,273)	-	(15,904,107,117)
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	4,505,192,250	1,092,905,524	1,915,493,838	16,226,735		7,529,818,347
- Khấu hao trong kỳ	306,267,774	694,476	366,346,002	5,321,116		678,629,368
- Thanh lý, nhượng bán	(4,811,460,024)	(1,093,600,000)	(2,281,839,840)	(21,547,851)		(8,208,447,715)
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	5,488,808,230	694,476	2,866,285,526	18,500,538	-	8,374,288,770
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu 09 - DN

5.8 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ Phần VBM Bắc Bộ	5,179,900,197	5,179,900,197	-	-
Công ty TNHH HT Brothers Việt Nam	-	-	81,261,783	81,261,783
Các nhà cung cấp khác	-	-	17,210,980	17,210,980
Cộng	5,179,900,197	5,179,900,197	98,472,763	98,472,763

5.9 Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT trong nước	-	3,825,388,076	2,929,531,750	895,856,326
Thuế thu nhập cá nhân	250,000	31,497,777	14,050,000	17,697,777
Thuế thu nhập doanh nghiệp	159,775,437	2,565,771,082	159,775,437	2,565,771,082
Các loại thuế khác	-	4,000,000	4,000,000	-
Cộng	160,025,437	6,426,656,935	3,107,357,187	3,479,325,185

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu 09 - DNHN

5.10 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm trước	353,835,080,000	4,447,191,254	33,306,976,442	391,589,247,696
Lãi năm trước	-	-	2,525,754,558	2,525,754,558
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	31,838,550,000		(31,838,550,000)	-
Trả thù lao HĐQT, BKS	-	-	(408,000,000)	(408,000,000)
Số dư cuối năm trước	385,673,630,000	4,447,191,254	3,586,181,000	393,707,002,254
Lãi kỳ này	-	-	30,556,726,846	30,556,726,846
Trả thù lao HĐQT, BKS	-	-	(314,467,213)	(314,467,213)
Số dư cuối kỳ này	385,673,630,000	4,447,191,254	33,828,440,633	423,949,261,887

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 19 ngày 13 tháng 8 năm 2025, Vốn điều lệ của Công ty là 385.676.630.000 VND, tương đương 38.567.363 cổ phần.

	30/09/2025		01/01/2025	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	-	0.00%	4,796,000	12.44%
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	-	0.00%	2,997,500	7.77%
Ông Lê Văn Đức	1,199,000	3.11%	1,199,000	3.11%
Các cổ đông khác	37,368,363	96.89%	29,574,863	76.68%
Tổng cộng	38,567,363	100%	38,567,363	100%

5.10.1. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	385,673,630,000	353,835,080,000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	31,838,550,000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	385,673,630,000	385,673,630,000

5.10.2 Cổ phiếu

	30/09/2025 Cổ phiếu	1/1/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38,567,363	38,567,363
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38,567,363	38,567,363
- Cổ phiếu phổ thông	38,567,363	38,567,363
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38,567,363	38,567,363
- Cổ phiếu phổ thông	38,567,363	38,567,363

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu 09 - DNHN

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	37,879,859,400	19,314,578,681
Doanh thu cho thuê tài sản	496,167,000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38,376,026,400	19,314,578,681

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	37,805,038,070	18,770,359,476
Giá vốn cho thuê tài sản	472,499,493	-
Cộng	38,277,537,563	18,770,359,476

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,119,183,167	1,245,742,871
Lãi chuyển nhượng công ty con	30,475,000,000	-
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	2,070,835,878	105,000,000
Cộng	34,665,019,045	1,350,742,871

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, VP Chính Phủ- NK La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu 09 - DNHN

6.4 Chi phí tài chính

	<u>Từ ngày 01/01/2025</u> <u>đến ngày 30/09/2025</u>	<u>Từ ngày 01/01/2024</u> <u>đến ngày 30/09/2024</u>
	VND	VND
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	(524,340,190)	56,405,506
Chi phí tài chính khác	51,044,861	-
Cộng	(473,295,329)	56,405,506

6.5 Chi phí bán hàng

	<u>Từ ngày 01/01/2025</u> <u>đến ngày 30/09/2025</u>	<u>Từ ngày 01/01/2024</u> <u>đến ngày 30/09/2024</u>
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên	-	48,688,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	103,627,620
Cộng	-	152,315,620

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên	560,012,698	434,771,379
Chi phí khấu hao TSCĐ	386,443,195	454,803,183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	807,830,036	230,854,030
Các khoản chi phí QLDN khác	126,305,164	244,799,793
Cộng	1,880,591,093	1,365,228,385

6.7 Chi phí khác

	<u>Từ ngày 01/01/2025</u> <u>đến ngày 30/09/2025</u>	<u>Từ ngày 01/01/2024</u> <u>đến ngày 30/09/2024</u>
	VND	VND
Chi phí chậm nộp vi phạm hành chính	9,941,373	-
Chi phí khác	2,303,363,415	19,901,205
Cộng	2,313,304,788	19,901,205

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<u>Từ ngày 01/01/2025</u> <u>đến ngày 30/09/2025</u>	<u>Từ ngày 01/01/2024</u> <u>đến ngày 30/09/2024</u>
	VND	VND
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2,565,771,082	121,439,491

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào khác.

7.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.3.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: Các doanh nghiệp, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp có quyền kiểm soát ở Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và các công ty trong cùng tập đoàn.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ kế toán này, Công ty không có phát sinh nghiệp vụ với các công ty có liên quan.

Số dư các khoản phải thu, phải trả ngắn hạn với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc kế toán này, Công ty không có có số dư với các Công ty có liên quan.

7.3.2 Số dư với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan.

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 09 năm 2024.

Phan Giang Châu
Người lập biểu

Phan Giang Châu
Kế toán trưởng



Phạm Văn Luận
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025